

Phát tiên theo Nghị quyết số 418/NQ-CP ngày 28/12/2025 của Chính phủ về việc tặng quà của Đảng, Nhà nước nhân dịp chào mừng Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng và Tết Nguyên đán Bính Ngọ năm 2026

(Kèm theo Quyết định số 747/QĐ-UBND ngày 30/12/2025 của UBND xã Khoen On)

Số TT	Họ và tên	Năm sinh	Nơi cư trú	Loại đối tượng	Định mức tiền	Ghi chú
1	Hoàng Thị Pán	1931	Bản Mỏ	Người cao tuổi khuyết tật đặc biệt nặng	400.000	
2	Lò Thị Chắp	1956	Bản Mùi 1	Người cao tuổi khuyết tật đặc biệt nặng	400.000	
3	Đèo Mạnh Trường	2015	Bản Gia	Trẻ em khuyết tật đặc biệt nặng	400.000	
4	Hà Thị Ngọc Loan	2013	Bản Mùi 1	Trẻ em khuyết tật đặc biệt nặng	400.000	
5	Sùng Thị Dia	1983	Hua Mỹ	Người đơn thân hộ nghèo đang nuôi 03 con	400.000	
6	Lường Thị Khún	1962	Bản Mỏ	Người cao tuổi khuyết tật nặng	400.000	
7	Lò Văn Pênh	1954	Bản Tà Lôm	Người cao tuổi khuyết tật nặng	400.000	
8	Lò Thị Khít	1943	Bản Mùi 1	Người cao tuổi khuyết tật nặng	400.000	
9	Hà Văn An	1942	Bản Mùi 1	Người cao tuổi khuyết tật nặng	400.000	
10	Hà Văn Kem	1953	Bản Mùi 2	Người cao tuổi khuyết tật nặng	400.000	
11	Lò Thị Ún	1956	Bản On	Người cao tuổi khuyết tật nặng	400.000	
12	Lò Chung Thủy	28-04-2015	Bản Mỏ	Trẻ em khuyết tật nặng	400.000	
13	Hoàng Phúc Hưng	13/01/2018	Bản Mùi 2	Trẻ em khuyết tật nặng	400.000	
14	Lò Minh Quyền	2011	Bản On	Trẻ em khuyết tật nặng	400.000	
15	Lò Thị Quỳnh Chi	2022	Bản On 1	Trẻ em khuyết tật nặng	400.000	
16	Lường Gia Bảo	03/11/2014	Bản Sàng	Trẻ em khuyết tật nặng	400.000	
17	Lò Văn Bích	01/4/2009	Bản Mỏ	Khuyết tật đặc biệt nặng từ 16-60 tuổi	400.000	
18	Mê Thị Vãn	01/8/2004	Bản Mỏ	Khuyết tật đặc biệt nặng từ 16-60 tuổi	400.000	
19	Lò Văn Chài	1978	Bản Mùi 1	Khuyết tật đặc biệt nặng từ 16-60 tuổi	400.000	
20	Lò Thị Hồng	1987	Bản Mỏ	Người đơn thân hộ nghèo đang nuôi 02 con dưới 16t	400.000	
21	Giàng Thị Cửa	1996	Bản Hua Đán	Người đơn thân hộ nghèo đang nuôi 02 con	400.000	
22	Hà Văn Khạt	1936	Bản Mỹ	Người cao tuổi khuyết tật nặng	400.000	
23	Lù Văn Pò	1952	Bản Mỹ	Người cao tuổi khuyết tật nặng	400.000	
24	Lò Thị È	1959	Bản Củng	Người cao tuổi khuyết tật nặng	400.000	
25	Lù Thị Oi	1956	Bản Mỹ	Người cao tuổi khuyết tật nặng	400.000	

Số TT	Họ và tên	Năm sinh	Nơi cư trú	Loại đối tượng	Định mức tiền	Ghi chú
26	Thào A Sở	1963	Noong Quài	Người cao tuổi khuyết tật nặng	400.000	
27	Hoàng Thị Lang	1964	bản Hỳ xã Ta Gia	Người cao tuổi khuyết tật nặng	400.000	
28	Lò Minh Khang	29/3/2018	Bản Hỳ	Trẻ em khuyết tật nặng	400.000	
29	Đèo Trọng Tuyên	2014	Bản Gia	Trẻ em khuyết tật nặng	400.000	
30	Hà Văn Thân	2013	Bản Củng	Trẻ em khuyết tật nặng	400.000	
31	Lò Quang Hào	2017	Bản Hỳ	Trẻ em khuyết tật nặng	400.000	
32	Hoàng Văn Lợi	2010	Bản Hỳ	Trẻ em khuyết tật nặng	400.000	
33	Lò Hoàng Điệp	2018	Bản Gia	Trẻ em khuyết tật nặng	400.000	
34	Lò Quỳnh Thanh	2017	Bản Mỳ	Trẻ em khuyết tật nặng	400.000	
35	Lò Thị Hồng Nhi	2013	Co Cai	Trẻ em khuyết tật nặng	400.000	
36	Sùng Thị Sia	2016	Huổi Cầy	Trẻ em khuyết tật nặng	400.000	
37	Lường Thùy Tiên	08/8/2022	Bản Mỳ	Trẻ em khuyết tật nặng	400.000	
38	Hà Thị Bảo Trinh	02/8/2014	Bản Mỳ	Trẻ em khuyết tật nặng	400.000	
39	Hà Thị Làn	1984	Bản Mè	Người đơn thân nghèo đang nuôi 02 con dưới 16t	400.000	
40	Đèo Thị Bốn	01/01/1955	Bản Củng	Người cao tuổi khuyết tật nặng	400.000	
41	Lò Thị Hinh	01/01/1986	Bản Đốc	Người đơn thân nghèo đang nuôi 02 con dưới 16t	400.000	
42	Lò Văn Pé	1997	Bản Mùi 1	Người khuyết tật nặng từ 16-60 tuổi	400.000	
43	Lường Văn Nhân	2003	Bản Chế Hạng	Người khuyết tật nặng từ 16-60 tuổi	400.000	
44	Hoàng Thị Sinh	1985	Bản Mùi 2	Người khuyết tật nặng từ 16-60 tuổi	400.000	
45	Hà Thị Danh	01/01/1979	Bản Mùi 2	Người khuyết tật nặng từ 16-60 tuổi	400.000	
46	Lò Thị Bông	1990	Bản Chế Hạng	Người khuyết tật nặng từ 16-60 tuổi	400.000	
47	Lò Văn Toán	1992	Bản Mùi 2	Người khuyết tật nặng từ 16-60 tuổi	400.000	
48	Sùng A Rua	1980	Bản Hua Đán	Người khuyết tật nặng từ 16-60 tuổi	400.000	
49	Hà Thị Nhấn	1980	Bản Mùi 1	Người khuyết tật nặng từ 16-60 tuổi	400.000	
50	Lò Văn Tinh	1997	Bản Mùi 1	Người khuyết tật nặng từ 16-60 tuổi	400.000	
51	Hà Thị Vân	08-02-2008	Bản Mùi 1	Người khuyết tật nặng từ 16-60 tuổi	400.000	
52	Lò Thị Lả	01/01/'1966	Bản Tà Lồm	Người khuyết tật nặng từ 16-60 tuổi	400.000	

Số TT	Họ và tên	Năm sinh	Nơi cư trú	Loại đối tượng	Định mức tiền	Ghi chú
53	Hoàng Thị Hương	2000	Bản 'Tà Lôm	Người khuyết tật nặng từ 16-60 tuổi	400.000	
54	Hà Thị Hiếu	1976	Bản Chế Hạng	Người khuyết tật nặng từ 16-60 tuổi	400.000	
55	Lò Văn Pin	1988	Bản ' Đốc	Người khuyết tật nặng từ 16-60 tuổi	400.000	
56	Lường Thị Lả	12-07-1969	Bản Mùi 2	Người khuyết tật nặng từ 16-60 tuổi	400.000	
57	Lục Văn Quý	2005	Bản Mỏ	Người khuyết tật nặng từ 16-60 tuổi	400.000	
58	Lường Văn Tư	16-08-2008	Bản Mùi 1	Người khuyết tật nặng từ 16-60 tuổi	400.000	
59	Lò Thị Nghiênn	12-08-2008	Bản Mùi 2	Người khuyết tật nặng từ 16-60 tuổi	400.000	
60	Mè Văn Mạnh	15-05-2008	Bản Đốc	Người khuyết tật nặng từ 16-60 tuổi	400.000	
61	Lục Văn Loan	15-11-2005	Bản Mỏ	Người khuyết tật nặng từ 16-60 tuổi	400.000	
62	Lò Văn Mạnh	13-12-2008	Bản Tà Lôm	Người khuyết tật nặng từ 16-60 tuổi	400.000	
63	Lò Thị Hoai	2014	Bản Đốc	Trẻ em 04-16 tuổi không có nguồn nuôi dưỡng	400.000	
64	Lò Văn Hải	20-08-2010	Bản Đốc	Trẻ em 04-16 tuổi không có nguồn nuôi dưỡng	400.000	
65	Bàn Phương Nhung	06/02/2023	Bản Mùi 2	Trẻ em dưới 3 tuổi hộ nghèo, cận nghèo	400.000	
66	Lò Thế Phong	26-04-2023	Bản On 1	TE dưới 3 tuổi hộ nghèo, cận nghèo	400.000	
67	Sùng Thị Hạnh Dung	01/04/2023	Bản Hua Đán	TE dưới 3 tuổi hộ nghèo, cận nghèo	400.000	
68	Lò Tuấn Hưng	27-12-2023	Bản ' Mùi 2	là trẻ em dưới 03 tuổi thuộc hộ nghèo đang sống tại vùng	400.000	
69	Nông Thị Hoa My	05/01/2024	Noong Quang	là trẻ em dưới 03 tuổi thuộc hộ nghèo đang sống tại vùng	400.000	
70	Vừ Huy Hoàng	18-11-2023	Noong Quang	là trẻ em dưới 03 tuổi thuộc hộ nghèo đang sống tại vùng	400.000	
71	Vừ Đình Trung	22-12-2023	Noong Quang	là trẻ em dưới 03 tuổi thuộc hộ nghèo đang sống tại vùng	400.000	
72	Hà Thảo Ngọc	22-02-2024	Bản 'Mùi 1	là trẻ em dưới 03 tuổi thuộc hộ nghèo đang sống tại vùng	400.000	
73	Vừ Thị Bảo Trâm	20-04-2024	Noong Quang	là trẻ em dưới 03 tuổi thuộc hộ nghèo đang sống tại vùng	400.000	
74	Lò Đức Minh	27-01-2024	Bản 'Đốc	là trẻ em dưới 03 tuổi thuộc hộ nghèo đang sống tại vùng	400.000	
75	Đèo Thị Bót	01/01/1971	Bản Gia	Người khuyết tật nặng từ 16-60 tuổi	400.000	
76	Tông Văn Hoa	1984	Bản Củng	Người khuyết tật nặng từ 16-60 tuổi	400.000	
77	Hà Văn Uôn	1993	Bản Củng	Người khuyết tật nặng từ 16-60 tuổi	400.000	
78	Lò Thị Hòa	1995	Bản Khem	Người khuyết tật nặng từ 16-60 tuổi	400.000	
79	Lường Thị Thái	1984	Bản Mỳ	Người khuyết tật nặng từ 16-60 tuổi	400.000	

Số TT	Họ và tên	Năm sinh	Nơi cư trú	Loại đối tượng	Định mức tiền	Ghi chú
80	Lò Văn Tĩnh	1995	Bản Hỳ	Người khuyết tật nặng từ 16-60 tuổi	400.000	
81	Vì Thị Thín	1987	Bản Gia	Người khuyết tật nặng từ 16-60 tuổi	400.000	
82	Lường Văn Pò	1968	Bản Gia	Người khuyết tật nặng từ 16-60 tuổi	400.000	
83	Lường Văn Cượng	2005	Bản Củng	Người khuyết tật nặng từ 16-60 tuổi	400.000	
84	Hoàng Văn Trương	1982	Ten Co Mur	Người khuyết tật nặng từ 16-60 tuổi	400.000	
85	Tòng Văn Cơi	2001	Bản Củng	Người khuyết tật nặng từ 16-60 tuổi	400.000	
86	Hà Thị Phăng	2003	Bản Củng	Người khuyết tật nặng từ 16-60 tuổi	400.000	
87	Phan Văn Ngợi	1983	Bản Hỳ	Người khuyết tật nặng từ 16-60 tuổi	400.000	
88	Sùng Hải Đăng	06/1/2024	Noong Quài	Trẻ em dưới 3 tuổi hộ nghèo, cận nghèo	400.000	
89	Vàng Minh Đạt	18-08-2023	Huổi Cây	Trẻ em dưới 3 tuổi hộ nghèo, cận nghèo	400.000	
90	Vàng Ngọc Hoa	02/6/2024	Huổi Cây	Trẻ em dưới 3 tuổi hộ nghèo, cận nghèo	400.000	
91	Mùa Thị Phương Nhi	25-06-2023	Noong Quài	Trẻ em dưới 3 tuổi hộ nghèo, cận nghèo	400.000	
92	Vàng Thị Dưa	13-03-2024	Bản Huổi Cây	Trẻ em dưới 3 tuổi hộ nghèo, cận nghèo	400.000	
93	Sùng Minh Đạt	05/9/2024	Bản Huổi Cây	Trẻ em dưới 3 tuổi hộ nghèo, cận nghèo	400.000	
94	Giàng Xuân Mơ	07/7/2024	Bản Huổi Cây	Trẻ em dưới 3 tuổi hộ nghèo, cận nghèo	400.000	
95	Sùng Thị Vàng	2023	Noong Quài	Trẻ em dưới 3 tuổi hộ nghèo, cận nghèo	400.000	
96	Sùng Anh Hoàng	2023	bản Huổi Cây	Trẻ em dưới 3 tuổi hộ nghèo, cận nghèo	400.000	
97	Sùng A Khoa	2023	bản Noong Quài	Trẻ em dưới 3 tuổi hộ nghèo, cận nghèo	400.000	
98	Sùng Thanh Hải	23/02/2024	Bản Huổi Cây	Trẻ em dưới 3 tuổi hộ nghèo, cận nghèo	400.000	
99	Vàng Thị Chung	21/12/2023	Bản Huổi Cây	Trẻ em dưới 3 tuổi hộ nghèo, cận nghèo	400.000	
100	Mùa A Dương	07-11-2023	Noong Quài	Trẻ em dưới 3 tuổi hộ nghèo, cận nghèo	400.000	
101	Sùng Anh Dũng	29-05-2024	Huổi Cây	Trẻ em dưới 3 tuổi hộ nghèo, cận nghèo	400.000	
102	Vàng Ngọc Dung	25-12-2022	Huổi Cây	Trẻ em dưới 3 tuổi hộ nghèo, cận nghèo	400.000	
103	Thào Thị Nhi	23-12-2023	Noong Quài	Trẻ em dưới 3 tuổi hộ nghèo, cận nghèo	400.000	
104	Sùng Thanh Tuyết	21-09-2025	Noong Quài	Trẻ em dưới 3 tuổi hộ nghèo, cận nghèo	400.000	
105	Phan Thị Tụ	10/01/1985	Bản Hỳ	Người khuyết tật nặng từ 16-60 tuổi	400.000	
106	Tòng Thị Oanh	05/11/1990	Bản Củng	Người khuyết tật nặng từ 16-60 tuổi	400.000	

Số TT	Họ và tên	Năm sinh	Nơi cư trú	Loại đối tượng	Định mức tiền	Ghi chú
107	Giàng Thị Xia	24-08-2025	Bản Hua Đán	là trẻ em dưới 03 tuổi thuộc hộ nghèo đang sống tại vùng	400.000	
108	Sùng Quỳnh Nga	10-10-2024	Bản Hua Đán	là trẻ em dưới 03 tuổi thuộc hộ nghèo đang sống tại vùng	400.000	
109	Lò Thị Mẫu	1925	Bản Tà Lôm	Người cao tuổi từ 80 tuổi trở lên không có lương hưu	400.000	
110	Lò Thị Số	1923	Bản Tà Lôm	Người cao tuổi từ 80 tuổi trở lên không có lương hưu	400.000	
111	Lò Văn Cọc	1924	Bản Mùi 2	Người cao tuổi từ 80 tuổi trở lên không có lương hưu	400.000	
112	Đèo Văn Mãng	1924	Bản On	Người cao tuổi từ 80 tuổi trở lên không có lương hưu	400.000	
113	Lò Thị Pân	1926	Bản On 1	Người cao tuổi từ 80 tuổi trở lên không có lương hưu	400.000	
114	Lò Văn Pành	1925	Bản On	Người cao tuổi từ 80 tuổi trở lên không có lương hưu	400.000	
115	Hoàng Văn Ninh	1923	Bản Mùi 2	Người cao tuổi từ 80 tuổi trở lên không có lương hưu	400.000	
116	Lò Thị Hươi	1930	Bản On	Người cao tuổi từ 80 tuổi trở lên không có lương hưu	400.000	
117	Lò Thị Pọm	1930	Bản Mùi I	Người cao tuổi từ 80 tuổi trở lên không có lương hưu	400.000	
118	Lò Văn Nò	1930	Bản Mở	Người cao tuổi từ 80 tuổi trở lên không có lương hưu	400.000	
119	Đèo Thị Ú	1929	Bản Đốc	Người cao tuổi từ 80 tuổi trở lên không có lương hưu	400.000	
120	Lò Thị Phiến	1932	Bản Đốc	Người cao tuổi từ 80 tuổi trở lên không có lương hưu	400.000	
121	Lò Văn Pành	1932	Bản Đốc	Người cao tuổi từ 80 tuổi trở lên không có lương hưu	400.000	
122	Lò Thị Hặc	1932	Bản Đốc	Người cao tuổi từ 80 tuổi trở lên không có lương hưu	400.000	
123	Lò Thị Đình	1927	Tà Lôm	Người cao tuổi từ 80 tuổi trở lên không có lương hưu	400.000	
124	Đèo Văn Pành	1936	Bản Đốc	Người cao tuổi từ 80 tuổi trở lên không có lương hưu	400.000	
125	Thào Thị Mỹ	1940	Noong Quang	Người cao tuổi từ 80 tuổi trở lên không có lương hưu	400.000	
126	Mè Thị Pâng	1940	Bản Mở	Người cao tuổi từ 80 tuổi trở lên không có lương hưu	400.000	
127	Hà Văn Nhe	1931	Bản Mùi	Người cao tuổi từ 80 tuổi trở lên không có lương hưu	400.000	
128	Hà Thị Anh	1931	Bản Đông	Người cao tuổi từ 80 tuổi trở lên không có lương hưu	400.000	
129	Vàng Thị Dưa	1938	Noong Quang	Người cao tuổi từ 80 tuổi trở lên không có lương hưu	400.000	
130	Lò Thị Chom	1932	Bản Mở	Người cao tuổi từ 80 tuổi trở lên không có lương hưu	400.000	
131	Lò Thị È	1938	Bản Đốc	Người cao tuổi từ 80 tuổi trở lên không có lương hưu	400.000	
132	Lò Thị Lả	1936	Bản Mùi 1	Người cao tuổi từ 80 tuổi trở lên không có lương hưu	400.000	
133	Lường Thị Lả	1932	Bản Sàng	Người cao tuổi từ 80 tuổi trở lên không có lương hưu	400.000	

Số TT	Họ và tên	Năm sinh	Nơi cư trú	Loại đối tượng	Định mức tiền	Ghi chú
134	Đèo Thị Pâng	1933	Bản Mỏ	Người cao tuổi từ 80 tuổi trở lên không có lương hưu	400.000	
135	Lường Văn Vê	1943	Bản On	là người cao tuổi đủ 80 tuổi trở lên không có lương hưu	400.000	
136	Hoàng Văn Uân	01/01/1944	Bản Chế Hạng	là người cao tuổi đủ 80 tuổi trở lên không có lương hưu	400.000	
137	Lò Thị Lanh	1944	Bản On 1	là người cao tuổi đủ 80 tuổi trở lên không có lương hưu	400.000	
138	Hà Thị Pâng	01/01/1944	Bản Mỏ	là người cao tuổi đủ 80 tuổi trở lên không có lương hưu	400.000	
139	Hà Văn Lạc	01/01/1945	Bản Mùi 1	là người cao tuổi đủ 80 tuổi trở lên không có lương hưu	400.000	
140	Lường Thị Định	01/01/1945	Bản Mùi 2	là người cao tuổi đủ 80 tuổi trở lên không có lương hưu	400.000	
141	Sùng Thị Pàng	01/01/1945	Bản Hua Đán	là người cao tuổi đủ 80 tuổi trở lên không có lương hưu	400.000	
142	Lò Thị Ngắm	1971	Bản Mỏ	Người đơn thân nghèo đang nuôi 01 con dưới 16t	400.000	
143	Hà Thị Xê	1973	Bản Mùi 1	Người đơn thân nghèo đang nuôi 01 con dưới 16t	400.000	
144	Giàng Thị Cửa	1987	Hua Đán	Người đơn thân nghèo đang nuôi 01 con dưới 16t	400.000	
145	Lò Thị Muôn	1982	Tà Lôm	Người đơn thân nghèo đang nuôi 01 con dưới 16t	400.000	
146	Hà Thị Phúng	01/01/1947	Bản Mùi 1	Trợ cấp hưu trí xã hội là người từ đủ 75 tuổi trở lên	400.000	
147	Lò Thị Xanh	01/01/1949	Bản Mùi 2	Trợ cấp hưu trí xã hội là người từ đủ 75 tuổi trở lên	400.000	
148	Hà Văn Pâng	01/01/1947	Bản Mùi 1	Trợ cấp hưu trí xã hội là người từ đủ 75 tuổi trở lên	400.000	
149	Lường Thị Lả	01/01/1946	Bản On 1	Trợ cấp hưu trí xã hội là người từ đủ 75 tuổi trở lên	400.000	
150	Lò Thị Nhào	01/01/1947	Bản On	Trợ cấp hưu trí xã hội là người từ đủ 75 tuổi trở lên	400.000	
151	Lò Văn Tọ	01/01/1950	Bản Mùi 2	Trợ cấp hưu trí xã hội là người từ đủ 75 tuổi trở lên	400.000	
152	Lò Văn Ngắm	15/03/1950	Bản Mùi 1	Trợ cấp hưu trí xã hội là người từ đủ 75 tuổi trở lên	400.000	
153	Lò Văn Niều	01/01/1949	Bản Mùi 2	Trợ cấp hưu trí xã hội là người từ đủ 75 tuổi trở lên	400.000	
154	Đèo Thị Khay	01/01/1955	Bản On 1	Trợ cấp hưu trí xã hội là người từ đủ 70 - 75 tuổi thuộc hộ	400.000	
155	Hà Văn Ò	01/01/1954	Bản Mùi 1	Trợ cấp hưu trí xã hội là người từ đủ 70 - 75 tuổi thuộc hộ	400.000	
156	Lò Văn Lá	01/01/1955	Bản Mỏ	Trợ cấp hưu trí xã hội là người từ đủ 70 - 75 tuổi thuộc hộ	400.000	
157	Giàng A Chu	01/01/1950	Bản Hua Đán	Trợ cấp hưu trí xã hội là người từ đủ 75 tuổi trở lên	400.000	
158	Hà Văn Chài	01/01/1950	Bản Chế Hạng	Trợ cấp hưu trí xã hội là người từ đủ 75 tuổi trở lên	400.000	
159	Sùng Thị Say	01/01/1950	Bản Hua Đán	Trợ cấp hưu trí xã hội là người từ đủ 75 tuổi trở lên	400.000	
160	Lò Văn Hồm	01/01/1950	Bản Tà Lôm	Trợ cấp hưu trí xã hội là người từ đủ 75 tuổi trở lên	400.000	

Số TT	Họ và tên	Năm sinh	Nơi cư trú	Loại đối tượng	Định mức tiền	Ghi chú
161	Hà Thị Ui	14/09/1947	Bản Tà Lôm	Trợ cấp hưu trí xã hội là người từ đủ 75 tuổi trở lên	400.000	
162	Lường Thị Giót	01/01/1932	Bản Đốc	Trợ cấp hưu trí xã hội là người từ đủ 75 tuổi trở lên	400.000	
163	Nùng Thị Quyết	01/10/1950	Bản Tà Lôm	Trợ cấp hưu trí xã hội là người từ đủ 75 tuổi trở lên	400.000	
164	Lò Văn È	01/01/1950	Bản Tà Lôm	Trợ cấp hưu trí xã hội là người từ đủ 75 tuổi trở lên	400.000	
165	Lường Thị È	01/01/1950	Bản Sàng	Trợ cấp hưu trí xã hội là người từ đủ 75 tuổi trở lên	400.000	
166	Lò Thị Sau	1920	Bản Gia	Người cao tuổi từ 80 tuổi trở lên không có lương hưu	400.000	
167	Lò Thị Khưa	1920	Bản Khem	Người cao tuổi từ 80 tuổi trở lên không có lương hưu	400.000	
168	Lường Thị Hiếu	1921	Bản Củng	Người cao tuổi từ 80 tuổi trở lên không có lương hưu	400.000	
169	Hoàng Văn Pán	1925	Bản Hỳ	Người cao tuổi từ 80 tuổi trở lên không có lương hưu	400.000	
170	Lò Thị Hặc	1925	Bản Hỳ	Người cao tuổi từ 80 tuổi trở lên không có lương hưu	400.000	
171	Lò Thị Dong	1917	Bản Hỳ	Người cao tuổi từ 80 tuổi trở lên không có lương hưu	400.000	
172	Đèo Thị Pâng	1929	Bản Hỳ	Người cao tuổi từ 80 tuổi trở lên không có lương hưu	400.000	
173	Lò Thị An	1931	Bản Gia	Người cao tuổi từ 80 tuổi trở lên không có lương hưu	400.000	
174	Hoàng Văn Đôi	1933	Bản Hỳ	Người cao tuổi từ 80 tuổi trở lên không có lương hưu	400.000	
175	Mè Thị Ứn	1923	Bản Củng	Người cao tuổi từ 80 tuổi trở lên không có lương hưu	400.000	
176	Lò Văn Pò	1933	Bản Hỳ	Người cao tuổi từ 80 tuổi trở lên không có lương hưu	400.000	
177	Hà Thị Lộ	1930	Bản Mỹ	Người cao tuổi từ 80 tuổi trở lên không có lương hưu	400.000	
178	Lù Thị Phương	1936	Bản Khem	Người cao tuổi từ 80 tuổi trở lên không có lương hưu	400.000	
179	Lù Văn Ôn	1937	Bản Mỹ	Người cao tuổi từ 80 tuổi trở lên không có lương hưu	400.000	
180	Lò Thị Yêu	1936	Bản Mỹ	Người cao tuổi từ 80 tuổi trở lên không có lương hưu	400.000	
181	Lò Thị Ứn	1937	Bản Củng	Người cao tuổi từ 80 tuổi trở lên không có lương hưu	400.000	
182	Hà Thị Ôm	1937	Bản Hỳ	Người cao tuổi từ 80 tuổi trở lên không có lương hưu	400.000	
183	Tông Thị Đôi	1937	Bản Củng	Người cao tuổi từ 80 tuổi trở lên không có lương hưu	400.000	
184	Lò Thị Ngan	1937	Bản Hỳ	Người cao tuổi từ 80 tuổi trở lên không có lương hưu	400.000	
185	Lò Văn Pụa	1938	Bản Hỳ	Người cao tuổi từ 80 tuổi trở lên không có lương hưu	400.000	
186	Lò Thị Tắm	1940	Bản Mè	Người cao tuổi từ 80 tuổi trở lên không có lương hưu	400.000	
187	Lò Thị Anh	1940	Bản Hỳ	Người cao tuổi từ 80 tuổi trở lên không có lương hưu	400.000	

Số TT	Họ và tên	Năm sinh	Nơi cư trú	Loại đối tượng	Định mức tiền	Ghi chú
188	Lò Thị Vui	1941	Bản Mỹ	Người cao tuổi từ 80 tuổi trở lên không có lương hưu	400.000	
189	Lò Thị Thanh	1940	Bản Khem	Người cao tuổi từ 80 tuổi trở lên không có lương hưu	400.000	
190	Lò Thị Thích	1941	Bản Củng	Người cao tuổi từ 80 tuổi trở lên không có lương hưu	400.000	
191	Lường Văn Con	1942	Bản Mỹ	Người cao tuổi từ 80 tuổi trở lên không có lương hưu	400.000	
192	Lò Thị Dòm	1938	Bản Hỳ	Người cao tuổi từ 80 tuổi trở lên không có lương hưu	400.000	
193	Lò Thị Đồi	1940	Bản Hỳ	Người cao tuổi từ 80 tuổi trở lên không có lương hưu	400.000	
194	Lò Thị Pân	1943	Bản Khem	Người cao tuổi từ 80 tuổi trở lên không có lương hưu	400.000	
195	Lò Văn Nghím	01/01/1944	Bản Mỹ	Người cao tuổi từ 80 tuổi trở lên không có lương hưu	400.000	
196	Hoàng Thị Thân	01/01/1945	Bản Hỳ	Người cao tuổi từ 80 tuổi trở lên không có lương hưu	400.000	
197	Hoàng Thị Mẫn	01/01/1976	Bản Hỳ	Đơn thân thuộc hộ nghèo nuôi 1 con dưới 16 tuổi	400.000	
198	Lù Văn Chài	01/01/1948	Bản Mỹ	Trợ cấp hưu trí xã hội là người từ đủ 75 tuổi trở lên	400.000	
199	Hà Thị Đan	01/01/1947	Bản Mỹ	Trợ cấp hưu trí xã hội là người từ đủ 75 tuổi trở lên	400.000	
200	Hoàng Văn Hiêng	01/01/1948	Bản Hỳ	Trợ cấp hưu trí xã hội là người từ đủ 75 tuổi trở lên	400.000	
201	Cứ Thị Mây	06/03/1950	Bản Noong Quài	Trợ cấp hưu trí xã hội là người từ đủ 75 tuổi trở lên	400.000	
202	Lò Văn Păn	19/09/1948	Bản Gia	Trợ cấp hưu trí xã hội là người từ đủ 75 tuổi trở lên	400.000	
203	Lường Thị Tân	01/01/1947	Bản Khem	Trợ cấp hưu trí xã hội là người từ đủ 75 tuổi trở lên	400.000	
204	Lường Văn Phan	01/01/1950	Bản Hỳ	Trợ cấp hưu trí xã hội là người từ đủ 75 tuổi trở lên	400.000	
205	Lò Văn Thành	01/01/1950	Bản Hỳ	Trợ cấp hưu trí xã hội là người từ đủ 75 tuổi trở lên	400.000	
206	Vàng A Vang	06/07/1954	Bản Huổi Cầy	Trợ cấp hưu trí xã hội là người từ đủ 70 - 75 tuổi thuộc hộ	400.000	
207	Lò Văn Chiên	01/01/1946	Bản Củng	Trợ cấp hưu trí xã hội là người từ đủ 75 tuổi trở lên	400.000	
208	Lò Thị Thịn	01/01/1950	Bản Mỹ	Trợ cấp hưu trí xã hội là người từ đủ 75 tuổi trở lên	400.000	
209	Lường Thị Nô	01/01/1950	Bản Hỳ	Trợ cấp hưu trí xã hội là người từ đủ 75 tuổi trở lên	400.000	
210	Cầm Văn Khô	01/9/1950	Bản Mỹ	Trợ cấp hưu trí xã hội là người từ đủ 75 tuổi trở lên	400.000	
211	Lường Thị Khở	01/01/1950	Bản Gia	Trợ cấp hưu trí xã hội là người từ đủ 75 tuổi trở lên	400.000	
212	Lường Văn Dương	2011	Bản On	TE KTĐBN	400.000	
213	Lường Thị Khong	1932	Chế Hạng	NCT KTĐBN	400.000	
214	Hà Thị Dương	02-09-2009	Bản Mùi 2	TE KTN	400.000	

Số TT	Họ và tên	Năm sinh	Nơi cư trú	Loại đối tượng	Định mức tiền	Ghi chú
215	Hoàng Văn Mãng	2011	Bản Mùi 2	TE KTN	400.000	
216	Lò Ngọc Nhi	2015	Chế Hạng	TE KTN	400.000	
217	Lò Thị Dong	1961	Bản Mùi 2	NCT KTN	400.000	
218	Hà Thị Quyên	11-10-2008	Bản On	KTN từ 16-60 tuổi	400.000	
219	Lò Thị Sơn	1987	Bản On	KTN từ 16-60 tuổi	400.000	
220	Hoàng Văn Tiền	2000	Chế Hạng	KTN từ 16-60 tuổi	400.000	
221	Hà Thị Minh	2002	Bản Mùi 2	KTN từ 16-60 tuổi	400.000	
222	Lò Thị Dân	1988	Bản On	KTN từ 16-60 tuổi	400.000	
223	Lò Thị Giò (Dò)	1964	Bản On	KTN từ 16-60 tuổi	400.000	
224	Lò Thị Toi	1986	Bản Mùi 2	KTN từ 16-60 tuổi	400.000	
225	Vừ Thị Bậu	1997	Noong Quang	KTN từ 16-60 tuổi	400.000	
226	Hoàng Thị Tền	1938	Bản Mùi 2	Người từ đủ 80 tuổi trở lên không có lương hưu	400.000	
227	Hoàng Văn Nghênh	1937	Bản Mùi 2	Người từ đủ 80 tuổi trở lên không có lương hưu	400.000	
228	Lâu Thị Mái	1932	Bản On	Người từ đủ 80 tuổi trở lên không có lương hưu	400.000	
229	Lò Thị Chom	1922	Bản On	Người từ đủ 80 tuổi trở lên không có lương hưu	400.000	
230	Lò Thị È	1940	Bản On	Người từ đủ 80 tuổi trở lên không có lương hưu	400.000	
231	Lò Thị Lả	1926	Bản On	Người từ đủ 80 tuổi trở lên không có lương hưu	400.000	
232	Lò Thị Phánh	1930	Bản Mùi II	Người từ đủ 80 tuổi trở lên không có lương hưu	400.000	
233	Lò Thị Pùa	1931	Bản On	Người từ đủ 80 tuổi trở lên không có lương hưu	400.000	
234	Lò Văn Khoán	1943	Bản On	Người từ đủ 80 tuổi trở lên không có lương hưu	400.000	
235	Lường Thị Khịn	1933	Bản Mở	Người từ đủ 80 tuổi trở lên không có lương hưu	400.000	
236	Lường Văn Minh	1931	Chế Hạng	Người từ đủ 80 tuổi trở lên không có lương hưu	400.000	
237	Sùng Thị Giàng	01/01/1930	Bản Hua Đán	Trợ cấp hưu trí xã hội là người từ đủ 75 tuổi trở lên	400.000	
238	Hà Văn Pê	1990	bản Mỹ xã Ta Gia huyện	Người khuyết tật đặc biệt nặng từ 16-60 tuổi	400.000	
239	Lò Thị Ngọc Hoa	2016	Bản Khem	Trẻ em khuyết tật đặc biệt nặng	400.000	
240	Lò Anh Khôi	2019	Bản Gia	Trẻ em khuyết tật đặc biệt nặng	400.000	
241	Lò Thị Cu	1958	Bản Mỹ	Người cao tuổi khuyết tật đặc biệt nặng	400.000	

Số TT	Họ và tên	Năm sinh	Nơi cư trú	Loại đối tượng	Định mức tiền	Ghi chú
242	Lò Thị Cơi	2007	Bản Gia	Người KTĐBN 16-60 tuổi	400.000	
243	Lò Văn Sâm	2004	Bản Gia	Người KTĐBN 16-60 tuổi	400.000	
244	Lường Thị Lả	1984	Bản Gia	Người KTĐBN 16-60 tuổi	400.000	
245	Tòng Thị Tâm Như	2011	Co Cai	Trẻ em khuyết tật nặng	400.000	
246	Tòng Văn Thủy	2010	Bản Củng	Trẻ em khuyết tật nặng	400.000	
247	Tòng Thị Hồng Diệp	2018	Bản Củng	Trẻ em khuyết tật nặng	400.000	
248	Sùng Thị Sau	1994	bản Huồi Cày xã Ta Gia	Người đơn thân nghèo đang nuôi 02 con dưới 16t	400.000	
249	Sùng A Lử	1969	Noong Quài	Người đơn thân nghèo đang nuôi 02 con dưới 16t	400.000	
250	Lò Thị Lánh	1967	Bản Hỳ	KTN từ 16-60 tuổi	400.000	
251	Lò Văn Qua	1999	Bản Khem	KTN từ 16-60 tuổi	400.000	
252	Hà Văn Nêm	2005	Xá Cuông I	KTN từ 16-60 tuổi	400.000	
253	Lường Văn Chính	1982	Ten Co Mur	KTN từ 16-60 tuổi	400.000	
254	Lường Văn Minh	1982	Bản Hỳ	KTN từ 16-60 tuổi	400.000	
255	Hoàng Thị Hòa	1970	Bản Hỳ	KTN từ 16-60 tuổi	400.000	
256	Lường Văn Hiện	11-02-2009	Bản Củng	KTN từ 16-60 tuổi	400.000	
257	Lò Văn Vương	07/03/1973	Bản Nam	Người khuyết tật nặng từ 16-60 tuổi	400.000	
258	Hà Thị Đẻ	1923	Bản Hỳ	Người cao tuổi từ 80 tuổi trở lên không có lương hưu	400.000	
259	Lò Thị Típ	1928	Bản Nam	Người cao tuổi từ 80 tuổi trở lên không có lương hưu	400.000	
260	Hà Thị Lả	1930	Bản Mỹ	Người cao tuổi từ 80 tuổi trở lên không có lương hưu	400.000	
261	Đèo Thị Sang	1931	Bản Gia	Người cao tuổi từ 80 tuổi trở lên không có lương hưu	400.000	
262	Đèo Thị Inh	1928	Bản Nam	Người cao tuổi từ 80 tuổi trở lên không có lương hưu	400.000	
263	Hoàng Văn Phó	1933	Bản Hỳ	Người cao tuổi từ 80 tuổi trở lên không có lương hưu	400.000	
264	Lù Thị Mùi	1935	Bản Hỳ	Người cao tuổi từ 80 tuổi trở lên không có lương hưu	400.000	
265	Lò Văn Lả	1937	Bản Mỹ	Người cao tuổi từ 80 tuổi trở lên không có lương hưu	400.000	
266	Tòng Thị Pôm	1937	Bản Hỳ	Người cao tuổi từ 80 tuổi trở lên không có lương hưu	400.000	
267	Lường Văn Pán	1936	Bản Gia	Người cao tuổi từ 80 tuổi trở lên không có lương hưu	400.000	
268	Cứ Thị Ba	1929	Hua Mỹ	Người cao tuổi từ 80 tuổi trở lên không có lương hưu	400.000	

Số TT	Họ và tên	Năm sinh	Nơi cư trú	Loại đối tượng	Định mức tiền	Ghi chú
269	Lò Thị Máy	01/01/1944	Bản Mè	Người cao tuổi từ 80 tuổi trở lên không có lương hưu	400.000	
270	Lò Thị Sính	01/01/1944	Bản Hỳ	Người cao tuổi từ 80 tuổi trở lên không có lương hưu	400.000	
271	Tông Thị Hương	1991	Bản Gia	Người đơn thân nghèo đang nuôi 01 con dưới 16t	400.000	
272	Lò Thị Pụa	1979	Co Cài	Người đơn thân nghèo đang nuôi 01 con	400.000	
273	Lò Thị Dung	1963	Chế Hạng	NCT KTĐBN	400.000	
274	Sùng Thị Phính	1997	Hua Đán	Người đơn thân nghèo nuôi 02 con	400.000	
275	Lò Việt Cường	2013	Bản Mùi 1	TE KTN	400.000	
276	Lò Thị Phương Thúy	2011	Bản On	TE KTN	400.000	
277	Sùng Thị Mo	1980	Hua Đán	KTN từ 16-60 tuổi	400.000	
278	Hà Văn Loan	2003	Bản Mùi 2	KTN từ 16-60 tuổi	400.000	
279	Đèo Văn Hoan	2002	Bản Mở	KTN từ 16-60 tuổi	400.000	
280	Lò Thị Xôm	1973	Bản Mùi 1	KTN từ 16-60 tuổi	400.000	
281	Tông Văn Tiên	2007	Bản Đốc	KTN từ 16-60 tuổi	400.000	
282	Lò Thị Pành	1931	Bản Mùi 1	NCT từ 80 tuổi	400.000	
283	Lò Thị Pôm	1930	Bản Mùi 1	NCT từ 80 tuổi	400.000	
284	Lường Thị Phan	1932	Bản Đốc	NCT từ 80 tuổi	400.000	
285	Lường Văn Pành	1926	Bản Sàng	NCT từ 80 tuổi	400.000	
286	Sùng A Động	1943	Hua Đán	NCT từ 80 tuổi	400.000	
287	Lò Thị Hôn	1927	Bản Sàng	NCT từ 80 tuổi	400.000	
288	Lò Thị Lả	1939	Bản Mùi 2	NCT từ 80 tuổi	400.000	
289	Lò Thị Lan	1931	Bản On	NCT từ 80 tuổi	400.000	
290	Hoàng Thị Ong	1933	Bản Mở	NCT từ 80 tuổi	400.000	
291	Hoàng Văn Túng	1926	Bản Mở	NCT từ 80 tuổi	400.000	
292	Lò Thị Ảnh	1936	Bản On	NCT từ 80 tuổi	400.000	
293	Lò Thị Đanh	1924	Bản Mở	NCT từ 80 tuổi	400.000	
294	Hoàng Thị Hon	1930	Chế Hạng	NCT từ 80 tuổi	400.000	
295	Giàng Thị Dinh	01/01/1944	Hua Đán	NCT từ 80 tuổi	400.000	

Số TT	Họ và tên	Năm sinh	Nơi cư trú	Loại đối tượng	Định mức tiền	Ghi chú
296	Lò Thị Mìn	01/01/1944	Bản On 1	NCT từ 80 tuổi	400.000	
Tổng:					118.400.000	

DANH SÁCH**NGƯỜI CÓ CÔNG VÀ THÂN NHÂN NGƯỜI CÓ CÔNG VỚI CÁCH MẠNG
TẶNG QUÀ CHỦ TỊCH NƯỚC THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 418/NQ-CP NGÀY 28/12/2025***(Kèm theo Quyết định số 747/QĐ-UBND ngày 30/12/2025 của UBND xã Khoen On)**ĐVT: VNĐ*

ST T	HỌ VÀ TÊN	ĐỊA CHỈ (thôn, bản)	ĐỐI TƯỢNG	MỨC QUÀ TẶNG	GHI CHÚ
1	Hà Văn Trại	Bản Mùi 1	Thương binh 21 %	400.000	
2	Hoàng Văn Phúc	Bản Gia	Thương binh 25%	400.000	
3	Lò Văn Phiêu	Bản Hỳ	Thương binh 29%	400.000	
4	Lò Văn Mừng	Bản On 1	Thương binh 29%	400.000	
5	Hoàng Văn Mai	Ten Co Mư	Con LS. Hoàng Văn Bốn	400.000	
6	Hà Văn Lùn	Bản Củng	Anh LS. Hà Văn Thái	400.000	
7	Lò Văn Ôn	Ten Co Mư	Cháu LS. Lò Văn Cận	400.000	
8	Lò Văn Sơn	Bản Mè	Cháu LS. Lò Văn Ly	400.000	
9	Hoàng Văn Đánh	Bản Hỳ	Cháu LS. Hoàng Văn Cu	400.000	
10	Hoàng Văn Phó	Bản Hỳ	Em LS. Hoàng Văn Lay	400.000	
11	Hà Văn Sứn	Bản Mè	Cháu LS. Hà Văn Ủa	400.000	
12	Lò Văn Lả	Bản Mỹ	Anh LS. Lò Văn Điện	400.000	
13	Lò Thị Thích	Bản Củng	Con LS. Lò Văn Vãn	400.000	
14	Lò Văn Chải	Bản Củng	Cháu LS. Hà Văn Dọn	400.000	
15	Lò Văn Vương	Bản Củng	Cháu LS. Lò Văn Chải	400.000	
16	Hà Văn Xôm	Bản Khem	Cháu LS. Hà Văn Ún	400.000	
17	Tòng Văn Sâm	Bản Mè	Cháu LS. Tòng Văn Sương	400.000	
18	Hà Văn Phó	Bản Hỳ	Cháu LS. Hà Văn Lói	400.000	
19	Lò Văn Nò	Bản Mỡ	Anh LS. Lò Văn Nhũa	400.000	
20	Lò Văn Vang	Bản On	Em LS. Lò Văn Pèng	400.000	
21	Hà Thị Đanh	Bản Mùi 1	Con LS. Hà (lò) Văn Pèng	400.000	

22	Lò Văn Niều	Bản Mùi 2	Em LS. Lò Văn Uồn	400.000	
23	Lường Văn Ngắm	Bản On	Cháu LS. Lường Văn Khảm	400.000	
24	Hoàng Văn Khàn	Bản Hỳ	Cháu LS. Hoàng Văn Ề	400.000	
25	Hà Văn Dũng	Bản Mỹ	Cháu LS. Hà Văn Đức	400.000	
Tổng:				10.000.000	